DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3508 ***/QĐ-VPCNCLQG ngày*** *13* ***tháng*** *11* ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Eurofins Consumer Product Testing Malaysia SDN. BHD.**
Laboratory:	***Eurofins Consumer Product Testing Malaysia SDN. BHD.***
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	**Eurofins Consumer Product Testing Malaysia SDN. BHD.**
Organization:	***Eurofins Consumer Product Testing Malaysia SDN. BHD.***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1653**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực :	**Cơ**
Field:	***Mechanical***
Người quản lý: *Laboratory manager:*	**Robert Lee**
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày/*from*** *13* **/11/2026 đến ngày/*to*** *12* **/11/2031**
Địa chỉ: *Address*:	**Lot 1924, Block A, Jalan Kotak Burok, Mukim Sungai Terap, 84300 Muar, Johor, Malaysia**
Địa điểm: *Location:*	**Lot 1924, Block A, Jalan Kotak Burok, Mukim Sungai Terap, 84300 Muar, Johor, Malaysia**
Điện thoại/ *Tel*:	**0383266663**
Email:	**Robert.lee@cpt.eurofinsasia.com**
Website:	**https://eurofins.com/en/consumer-product-testing/**

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Giường Tầng** ***Bunk bed***	Kiểm tra thành bảo vệ *Guardrail requirement check*	/	16 CFR part 1513:2026 (Mục/ *Section* 1513.3(a), 4(a)) và/ *and* 16 CFR part 1213:2026 (Mục/ *Section* 1213.3(a), 4(a))
2.		Kiểm tra cấu trúc hai đầu giường tầng (Tầng trên, tầng dưới) *Bunk end structure check (Upper, lower)*	/	16 CFR part 1513:2026 (Mục/ *Section* 1513.3(b), 4(b), 4(c)) và/ *and* 16 CFR part 1213:2026 (Mục/ *Section* 1213.3(b), 4(b), 4 (c))
3.		Kiểm tra các yêu cầu về nhãn mác *Requirement of marking and labeling check*	/	16 CFR part 1513:2026 (Mục/ *Section* 1513.5) và/ *and* 16 CFR part 1213:2026 (Mục/ *Section* 1213.5)
4.		Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng *Instructions requirement check*	/	16 CFR part 1513:2026 (Mục/ *Section* 1513.6) và/ *and* 16 CFR part 1213:2026 (Mục/ *Section* 1213.6)
5.	**Tủ quần áo** ***Clothing storage units***	Kiểm tra bộ chống lật *Check for Anti-tip kit*	60 lb load. Hold 30s.	16 CFR part 1261:2025 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 4.5 ASTM F3096-23
6.		Kiểm tra đánh giá hệ thống khoá liên động *Interlock system requirement check*	30 lb force. Hold 10s.	16 CFR part 1261:2026 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 4.6; 9.1
7.		Kiểm tra khả năng lật mô phỏng tải quần áo *Check for compliance for simulated clothing load*	/	16 CFR part 1261:2026 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 4.1 to 4.5; 9.2.1.

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
8.	**Tủ quần áo** ***Clothing storage units***	Kiểm tra khả năng lật mô phỏng lực động theo phương ngang *Check for compliance for simulated horizontal dynamic force*	Not tip-over with 10 lbf.	16 CFR part 1261:2026 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 4.1 to 4.5; 9.2.2
9.		Kiểm tra khả năng lật mô phỏng sự phản ứng trên thảm với trọng lượng của trẻ *Check for compliance for simulating a reaction on carpet with child weight*	Not tip-over with 60 lbf	16 CFR part 1261:2026 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 4.6; 9.2.3
10.		Kiểm tra về nhãn và đánh dấu *Marking and Labeling check*	/	16 CFR part 1261:2026 và/ *and* ASTM F2057-23 Mục/ *Section* 10
11.	**Vật liệu được sử dụng trong đồ nội thất bọc** ***Materials used in upholstered furniture***	Kiểm tra khả năng chống cháy của vải bọc *Cover fabric flammability check*	Max 45 minutes smoke Max 1.8 inches burn length	16 CFR 1640:2026 và/ *and* TB 117-2013 Mục/ *Section* 1
12.		Kiểm tra khả năng chống cháy của vật liệu lót *Barrier materials flammability check*	Max 45 minutes smoke Max 2 inches burn length	16 CFR 1640:2026 và/ *and* TB 117-2013 Mục/ *Section* 2
13.		Kiểm tra khả năng chống cháy của vật liệu làm đầy *Resilient filling material flammability check*	Max 45 minutes smoke Max 1.5 inches burn length	16 CFR 1640:2026 và/ *and* TB 117-2013 Mục/ *Section* 3
14.		Kiểm tra khả năng chống cháy của vật liệu sàn *Decking material flammability check*	Max 45 minutes smoke Max 1.5 inches burn length	16 CFR 1640:2026 và/ *and* TB 117-2013 Mục/ *Section* 4

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
15.	**Sản phẩm nội thất (Bàn, Ghế, Tủ, Giường)** ***Furniture products (Table, Chair, Cabinet, Bed)***	Kiểm tra độ chống cháy *Flammability (solids) check*	Not exceeding 0.1 inch/s	16 CFR part 1500.44:2026 và/ *and* 16 CFR 1500.3 (c) (6) (vi)
16.		Kiểm tra điểm nhọn và cạnh sắc *Sharp point and edges check*	No sharp points and edges	16 CFR 1500.48:2026 và/ *and* 16 CFR part 1500.49:2026

Ghi chú/ *Note*:

- CFR: *The Code of Federal Regulations;*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials;*
- TB: *California Technical Bulletin.*

It is mandatory for the Eurofins Consumer Product Testing Malaysia SDN. BHD. that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services./.